

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số:149/2021/DSPT

Ngày: 15/10/2021

*Tranh chấp Đòi tài sản*

*Tranh chấp hợp đồng*

*tặng cho quyền sử dụng đất.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**  
***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc;

*Các Thẩm phán:*

Ông Đặng Văn Lộc;

Ông Lê Nguyên Khoa,

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân Tình-  
Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*  
Trần Thị Trúc Lâm- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý: 66/TLPT- DS, ngày 20 tháng 05 năm 2021.Về việc “ Tranh đòi tài sản và tranh chấp hợp đồng tặng quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2021/DSST, ngày 05 tháng 04 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 135/2021/QĐ-PT, ngày 09 tháng 06 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Hứa Thanh H, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B khóm X, Phường N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện hợp pháp của anh H:* chị Lê Thị Minh H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số C đường T, Phường M, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (giấy ủy quyền ngày 19/4/2021) (có mặt).

*Bị đơn:* Chị Hứa Thị Tuyết Ng, sinh năm 1971 (có mặt).

Hứa Hoàng D, sinh năm 1995 (con chị Ng, vắng mặt).

Hứa Thùy Bảo A, sinh năm 2009 (con chị Ng, vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số B khóm X, Phường N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện hợp pháp cho Hứa Thùy Bảo A:* chị Hứa Thị Tuyết Ng (có mặt).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Cụ Hứa Văn Đ, sinh năm 1941 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B khóm X, Phường N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Anh Hứa Thanh H1, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm H, phường N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Chị Hứa Thị Tuyết L, sinh năm 1978 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

4/ Chị Hứa Thị Tuyết Nh, sinh năm 1980 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số S tổ B, ấp L, xã Đ, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

5/ Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long (xin vắng mặt).

Trụ sở: Số 79 đường 30/4, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Do có kháng cáo của bị đơn Hứa Thị Tuyết Ng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Trong đơn khởi kiện 27/6/2018 và bản án dân sự sơ thẩm số 39/DSST ngày 05/04/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long vụ án được tóm tắt như sau:

Cụ Hứa Văn Đ và cụ Lưu Thị H2 chung sống vợ có 09 người con gồm: chị Hứa Thị M; anh Hứa Thanh H3; anh Hứa Thanh C; anh Hứa Thanh H1; anh Hứa Thị Tuyết Ng; chị Hứa Thị Tuyết L; chị Hứa Thị Tuyết Nh; anh Hứa Tấn Ph; anh Hứa Thanh H.

Vào năm 2000, cụ Hứa Văn Đ có nhận chuyển nhượng thửa đất số 93, tờ bản đồ 17, tọa lạc tại số B khóm X, phường N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, diện tích là 324,1m<sup>2</sup>. Sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất 93 cụ Đ tiến hành kê khai thửa đất 93 với hình thức hộ gồm các thành viên trong hộ gồm: cụ Lưu Thị H2, anh Hứa Thanh H1, chị Hứa Thị Tuyết Ng, chị Hứa Thị

Tuyết L, chị Hứa Thị Tuyết Nh, anh Hứa Thanh H và được cấp quyền sử dụng đất tên hộ cụ Hứa Văn Đ số vào sổ 00758 QSDĐ/26.QĐ.UBTX ngày 05/02/2001 và cụ Đ đã tiến hành xây dựng 04 căn nhà mỗi căn 50m<sup>2</sup> trên thửa đất 93. Năm 2011, các thành viên trong hộ đã lập thủ tục ủy quyền cho cụ Đ được đăng ký kê khai chỉnh lý mang tên cá nhân cụ Đ. Ngày 15/7/2011, cụ Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD981392, số vào sổ Ch011088 mang tên cụ Hứa Văn Đ.

Cụ Đ đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 623233, số vào sổ CH 10402, cấp ngày 16/7/2012 với số thửa mới 142, diện tích 327.6m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp X, xã N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Tháng 03 năm 2018, cụ Đ làm hợp đồng tặng thửa đất số 142 cho anh H. Đến tháng 4/2018 anh H được cấp quyền sử dụng đất thửa 142, tờ bản đồ 24, diện tích 327,6m<sup>2</sup> gắn liền bốn căn nhà trên đất.

Trước khi ông Đ cho anh H thì trên phần đất này có 04 căn nhà mỗi căn 50m<sup>2</sup> gồm 01 căn ông Đ và anh H đang ở, 01 căn chị Ng đang ở, 01 căn anh H cho thuê bán thuốc tây, 01 căn bỏ trống.

Nay anh H yêu cầu chị Ng và các con chị Ng di dời đi nơi khác trả lại nhà và đất cho anh H, anh H hỗ trợ chi phí di dời cho chị Ng số tiền 5.000.000 đồng.

*Bị đơn Hứa Thị Tuyết Ng trình bày:* Thửa đất số 142, tờ bản đồ 24, diện tích 327,6m<sup>2</sup> tọa lạc tại số B khóm X, Phường N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long được cấp cho hộ cụ Hứa Văn Đ không phải cấp cho cá nhân cụ Hứa Văn Đ. Việc ủy quyền cho cụ Đ đứng tên cá nhân thửa đất 142 chị Ng không biết và cũng không có ký tên.

Căn nhà chị Ng đang ở là do cha mẹ chị xây dựng, trong thời gian sinh sống chị Ng cũng có sửa chữa căn nhà trên nhưng không đáng kể.

Chị Ng không đồng ý trả nhà cho anh H, yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Đ và Thanh H ngày 28/3/2018; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho H ngày 9/4/2018 vì quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình, không phải cấp cho cá nhân cụ Đ và cụ Đ bị bệnh tai biến nên không thể cho tặng anh H thửa đất trên. Chị Ng không yêu cầu chia thừa kế tài sản.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hứa Thị Tuyết Nh trình bày:* Chị Nh xác định tài sản tranh chấp giữa chị Ng và anh H là của cha mẹ chị Nh là cụ Đ và cụ H2 nhận chuyển nhượng, chị Nh không có đóng góp gì hết. Khi đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị Nh cũng không biết cũng không có ký tên.

Chị Nh yêu cầu anh H phải cho chị Ng được tiếp tục ở căn nhà và đất đang tranh chấp vì H được cha mẹ cho tài sản nhiều, hiện này vẫn còn ở ba căn nhà khác. Chị Nh không có ý kiến nào khác.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hứa Thị Tuyết L trình bày:* Thừa đất số 142, tờ bản đồ 24, diện tích 327,6m<sup>2</sup> tọa lạc tại số B khóm X, phường N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long là của cụ Đ, cụ H2 nhận chuyển nhượng vào năm 2000. Chị L không có công sức đóng góp, vì trước đó chị L sống chung với cụ Đ, cụ H2 ở Phường 9, thành phố Vĩnh Long. Năm 1999 chị L lập gia đình về sống bên chồng ở Tiền Giang đến nay. Việc cụ Đ đăng ký hộ gia đình hay cá nhân chị L cũng không biết vì chị L không quan tâm. Anh H được cha mẹ cho nhà đất chị L không có ý kiến. Chị Ng không có chỗ ở nên đề nghị Tòa án cho chị Ng được tiếp tục ở căn nhà trên. Chị L yêu cầu tòa hòa giải và xét xử vắng mặt vì chị L bận công việc không có thời gian tham dự phiên tòa.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long có ý kiến tại Công văn 676/UBND-NC ngày 16/3/2020 Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long:* Theo tư liệu địa chính thực hiện Nghị định 60/CP của Chính phủ ghi nhận thửa đất 93, diện tích 324,1m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã N (nay là phường N), thành phố Vĩnh Long do cụ Đ kê khai hình thức đăng ký hộ gồm cụ Đ cùng vợ là cụ H2 và các con gồm anh H3, chị Ng, chị L, chị Nh và anh H, đến ngày 05/02/2001 hộ cụ Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 21/6/2011, hộ cụ Đ gồm cụ H và các con H, chị Ng, chị L, chị Nh, anh H có ủy quyền cho cụ Đ đứng tên cá nhân được Ủy ban nhân dân xã N xác nhận ngày 22/6/2011. Đến ngày 29/6/2011, cụ Đ có đơn đề nghị đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất với hình thức đăng ký đứng tên cá nhân. Đến ngày 15/7/2011, cụ Đ được Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất. Vì vậy việc Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất cho cụ Đ là đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 39/DSST, ngày 05/04/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 227, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 166, 168 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100, 166, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

1.1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Hứa Thanh H: Buộc bị đơn chị Hứa Thị Tuyết Ng và Hứa Hoàng D, Hứa Thùy Bảo A di dời tài sản

giao cho anh Hứa Thanh H căn nhà gắn liền với thửa đất số 142, tờ bản đồ 24, diện tích 72,6m<sup>2</sup>, tại số B khóm X, phường N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (có trích đo bản đồ địa chính kèm theo).

Anh Hứa Thanh H có nghĩa vụ trả cho chị Hứa Thị Tuyết Ng chi phí di dời tài sản và chi phí sửa chữa nhà là 8.000.000 đồng ( Tám triệu đồng).

1/ Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn Hứa Thị Tuyết Ng yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Hứa Văn Đ và anh Hứa Thanh H ngày 28/3/2018 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Hứa Thanh H ngày 09/4/2018.

Ngày 15/04/2021, chị Nga kháng cáo. Nội dung không đồng ý quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2021/DSST, ngày 05/04/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của anh H, công nhận chị Ng được tiếp tục sử dụng thửa đất 142, diện tích 72,6m<sup>2</sup>, tọa lạc khóm X, phường N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Lê Thị Minh H (đại diện hợp pháp của anh H) trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của anh H; nếu chị Nga đồng ý di dời trả lại nhà và đất cho anh H; anh H sẽ hỗ trợ chị Ng chi phí di dời số tiền 20.000.000 đồng và chi phí chị Ng sửa chữa nhà số tiền 3.000.000 đồng.

Chị Hứa Thị Tuyết Ng trình bày: Thống nhất theo ý kiến của chị H, chị Ng đồng ý di dời trả lại nhà và đất cho anh H; anh H sẽ hỗ trợ chị Ng chi phí di dời số tiền 20.000.000 đồng và chi phí chị Ng sửa chữa nhà số tiền 3.000.000 đồng.

*Trình bày phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay sự có mặt của các thành viên, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại phiên tòa phúc thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: các đương sự chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của anh H và chị Ng thỏa thuận: Anh H sẽ hỗ trợ chị Ng chi phí di dời nhà số tiền 20.000.000 đồng; hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà 3.000.000 đồng. Tổng cộng là 23.000.000 đồng. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được công nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Anh H hỗ trợ chi phí di dời nhà và bồi thường tài sản cho chị Ng số tiền 23.000.000 đồng; chị Ng, Hoàng D, Bảo A di dời tài sản giao trả nhà và đất cho anh H thửa đất 142, diện tích 89,3m<sup>2</sup>.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự. Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Tòa án sơ thẩm xét xử ngày 05/04/2021 đến ngày 15/4/2021 chị Hứa Thị Tuyết Ng có đơn kháng cáo nên kháng cáo của của chị Ng là hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét chị Ng kháng cáo yêu cầu được tiếp tục sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 72,6m<sup>2</sup> thửa đất số 142, tọa lạc tại khóm X, phường N, Thành phố Vĩnh Long là không có căn cứ chấp nhận:

[2.1] Anh H, chị Ng và các đương sự khác trong vụ án đều thừa nhận thửa đất 142 là do cụ Đ, cụ H2 nhận chuyển nhượng vào năm 2000. Các đương sự đều không có công sức hoặc có góp tiền cùng cụ Đ, cụ H2 để nhận chuyển nhượng thửa đất 142 (thửa cũ 93). Do đó, thửa đất số 142 là tài sản của cụ Đ, cụ H2 là những tình tiết sự việc không phải chứng nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS.

[2.2] Chị Ng cho rằng thửa đất 142 là cấp cho hộ gia đình cụ Đ trong đó chị Ng là thành viên. Đến năm 2013, cụ Đ lập thủ tục đứng tên cá nhân không có sự đồng ý của các thành viên trong hộ cụ thể là chị Ng. Xét thấy, chị Ng cho rằng thửa đất 142 là cấp cho hộ cụ Đ có thành viên hộ là chị Ng là chưa phù hợp với các tài liệu chứng cứ, thể hiện:

+ Chính chị Ng cũng thừa nhận thửa đất 142 là tài sản của cụ Đ, cụ H2 nhận chuyển nhượng vào năm 2000, chị Ng không có công sức đóng góp.

+ Tài sản gắn liền trên thửa đất 142 là bốn 04 nhà tại cấp sơ thẩm chị Ng thừa nhận là do cụ Đ, cụ H2 xây dựng chị Ng không có đóng góp trừ sau khi về sinh sống ở đây thì chị Ng có sửa chữa như không đáng kể.

+ Sau khi cụ Đ nhận chuyển nhượng thửa đất 142 việc cụ Đ lập thủ tục đăng ký kê khai với thành viên hộ gồm những ai bản thân chị Ng hoàn toàn không biết chỉ đến khi phát sinh tranh chấp với anh H thì chị Ng mới biết.

+ Ngày 20/05/2016 cụ Đ, cụ H lập di chúc để lại thửa đất 142 toàn bộ tài sản trên thửa đất 142 cho anh H thừa kế, cụ H2 chết 13/10/2016. Di chúc phát sinh hiệu lực một phần và hiện nay chị Ng cũng không có tranh chấp về

phần di sản thừa kế của cụ H2 chứng minh chị Ng đã thừa nhận thừa đất 142 là tài sản của cụ Đ, cụ H2.

+ Chị Ng cho rằng không ký tên vào văn bản ủy quyền cho cụ Đ đăng ký biến động từ hộ sang cá nhân của cụ Đ; chị Ng cho rằng việc cụ Đ không đủ năng lực hành vi để ký hợp đồng tặng do quyền sử dụng đất cho anh H nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh việc xác lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng nêu trên vi phạm pháp luật để có căn cứ vô hiệu hợp đồng.

+ Hiện nay anh H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 142.

Từ những căn cứ nêu trên việc cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của anh H buộc chị Ng di dời giao trả nhà và đất cho anh H là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị H (đại diện cho anh H) và chị Ng đã thỏa thuận: Chị Ng đồng ý di dời tài sản của chị Ng để giao trả đất và nhà tại chiết thửa 142, diện tích 72,6m<sup>2</sup> cho anh H; anh H sẽ hỗ trợ chi phí di dời cho chị Ng số tiền 20.000.000 đồng và chi phí sửa chữa nhà 3.000.000 đồng. Tổng cộng là 23.000.000 đồng. Xét sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần sửa bản án dân sự sơ thẩm số 39/DSST, ngày 04/05/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long công nhận sự tự nguyện của các đương sự nêu trên.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự anh Hứa Thanh H (người đại diện hợp pháp của anh H là chị Lê Thị Minh H) và chị Hứa Thị Tuyết Ng. Sửa bản án số 39/2021/DSST ngày 05/04/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 227, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 166, 168 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100, 166, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của. Tuyên xử:

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hứa Thanh H.

1.1/ Công nhận sự thỏa thuận của anh Hứa Thanh H và chị Hứa Thị Tuyết Ng: Chị Hứa Thị Tuyết Ng, Hứa Hoàng D, Hứa Thùy Bảo A di dời tài

sản của chị Ng, anh D, chị Bảo A để giao trả cho anh Hứa Thanh H căn nhà gắn liền tại chiết thửa đất số 142, tờ bản đồ 24, diện tích 72,6m<sup>2</sup>, tại số B khóm X, phường N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (có trích đo bản đồ địa chính kèm theo ngày 17/12/2018).

1.2/ Công nhận sự tự nguyện của anh Hứa Thanh H hỗ trợ chi phí di dời cho chị Hứa Thị Tuyết Ng số tiền 20.000.000 đồng và chi phí sửa chữa nhà là 3.000.000 đồng. Tổng cộng 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng).

2/Chi phí đo đạc, định giá tài sản: Chi phí đo đạc, định giá 1.522.500 đồng (Một triệu năm trăm hai mươi hai ngàn năm trăm đồng) anh H tự nguyện nộp và đã nộp xong, anh H không phải nộp thêm.

Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/ Về án phí:

3.1/Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Hứa Thị Tuyết Ng phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000127 ngày 30/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long; chị Ng không phải nộp thêm phí dân sự sơ thẩm.

Anh Hứa Thanh H phải nộp 1.150.000 đồng (Một triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003888 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, anh H còn phải nộp thêm số tiền 850.000 đồng (Tám trăm năm mươi ngàn đồng).

3.2/Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Hứa Thị Tuyết Ng không phải nộp án phí phúc thẩm. Hoàn trả chị Ng số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000182, ngày 20/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.



4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC.
- VKSND TVL.
- CA TAND TPVL.
- TAND . TPVL
- Chi cục THADS. TPVL.
- Các đương sự.
- Lưu HS; TNV, TDS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Đặng Duy Mỹ Ngọc**